

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I -NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ KHỐI 11-THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Giới thiệu chung về cơ khí chế tạo	Khái quát về cơ khí chế tạo	4	4,5	3	3,375	2	2,25			9	0	10,125	22,5
		Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí chế tạo	4	4,5	2	2,25	2	2,25			8	0	9	20
2	Vật liệu cơ khí	Tổng quan về vật liệu cơ khí	4	4,5	2	2,25	2	2,25			8	0	9	20
		Vật liệu kim loại và hợp kim	4	4,5	3	3,375	2	2,25			9	0	10,125	22,5
		Vật liệu phi kim loại	4	4,5	2	2,25	0	0			6	0	6,75	15
Tổng			20	22,5	12	13,5	8	9			40	0	45	100
Tỉ lệ (%)			50		30		20		0					
Tỉ lệ chung %)			80				20							

MÔN: CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI -KHỐI 11-THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Giới thiệu chung về chăn nuôi	1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi.	3	3,0	2	2,0	1	1,625			6	0	6,625	15
		1.2 Vật nuôi và phương thức chăn nuôi	3	3,0	2	2,0	1	1,625			6	0	6,625	15
2	Công nghệ giống vật nuôi	2.1. Khái niệm và vai trò của giống trong chăn nuôi	3	3,0	2	2,0	2	3,25			7	0	8,25	17,5
		2.2. Chọn giống vật nuôi	3	3,0	2	2,0	2	3,25			7	0	8,25	17,5
		2.3 Nhân giống vật nuôi	4	4,0	2	2,0	1	1,625			7	0	7,625	17,5
		2.4 Ứng dụng công nghệ sinh học chọn và nhân giống vật nuôi	4	4,0	2	2,0	1	1,625			7	0	7,625	17,5
Tổng			20	20	12	12	8	13			40	0	45	100
Tỉ lệ (%)			50		30		20		0					
Tỉ lệ chung %)			80				20							